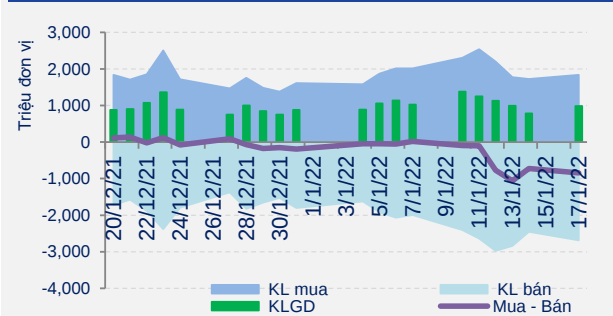
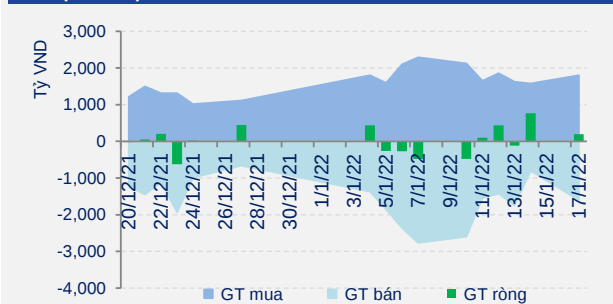


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 17/1/2022

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,452.84	445.34
% Thay đổi	↓ -2.89%	↓ -4.61%
KLGD (CP)	987,100,239	138,100,375
GTGD (tỷ đồng)	31,244.30	4,044.69
Tổng cung (CP)	2,686,061,000	209,520,100
Tổng cầu (CP)	1,841,470,500	141,097,600

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	43,436,399	1,429,742
KL mua (CP)	45,193,400	893,970
GT mua (tỷ đồng)	1,797.40	26.10
GT bán (tỷ đồng)	1,598.29	66.78
GT ròng (tỷ đồng)	199.11	(40.68)

Tương quan cung cầu

Giá trị Giao dịch NĐTNN


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -3.21%	23.0	3.6	0.9%
Công nghiệp	↓ -4.81%	24.8	3.4	12.3%
Dầu khí	↓ -1.56%	19.7	2.0	3.2%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -1.85%	-	10.0	1.7%
Dược phẩm và Y tế	↓ -2.91%	16.5	2.6	0.4%
Hàng Tiêu dùng	↓ -2.20%	22.5	3.9	10.9%
Ngân hàng	↓ -1.29%	12.5	2.5	22.3%
Nguyên vật liệu	↓ -4.75%	10.8	2.6	12.1%
Tài chính	↓ -4.45%	21.6	3.8	33.1%
Tiền ích Cộng đồng	↓ -2.17%	17.1	2.7	3.0%
VN - Index	↓ -2.89%	17.7	3.2	
HNX - Index	↓ -4.61%	25.6	5.5	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Nhà đầu tư bị dội một gáo nước lạnh trong phiên đầu tuần khi mà chỉ số VN-Index giảm mạnh (-2,89%), đây là phiên giảm mạnh nhất từ tháng 8/2021 đến nay. Thanh khoản cũng có sự gia tăng so với phiên cuối tuần trước nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy áp lực bán đã gia tăng nhưng vẫn chưa phải là quá mạnh. Cổ phiếu ngân hàng dù đã rất cố gắng trong phiên sáng để giữ xanh chỉ số nhưng áp lực bán trong phiên chiều đã khiến nhóm này đảo chiều xuống sắc đỏ và làm cho mức giảm càng mạnh thêm, có thể kể đến như STB (-6,9%), CTG (-1,3%), MBB (-0,5%), TCB (-2,3%), VPB (-5,2%), TPB (-4,1%), BID (-1,4%), SHB (-2,2%), ACB (-0,9%), HDB (-5,2%), LPB (-1,4%)...; chỉ còn lại VCB (+3,4%), KLB (+1,9%), NVB (+7,3%) là còn giữ sắc xanh tăng giá. Cổ phiếu chứng khoán thậm chí còn thê thảm hơn khi hàng loạt các mã bị bán xuống giá sàn như SSI (-7%), VND (-6,9%), SHS (-9,9%), VCI (-6,9%), HCM (-7%), VIX (-7%), ART (-9,8%), MBS (-10%), CTS (-7%), TVC (-9,8%)... Cổ phiếu bất động sản và xây dựng tiếp tục thì tiếp tục bị bán tháo và kết phiên với mức giảm mạnh, thậm chí giảm sàn như DIG (-6,9%), KBC (-6,9%), CEO (-10%), NLG (-6,9%), DXG (-6,9%), ITA (-6,7%), TCH (-6,9%), SCR (-6,8%), LDG (-6,8%), HQC (-6,9%), KDH (-6,9%), NBB (-7%), FIT (-6,9%), VCG (-7%), HBC (-7%), LCG (-6,8%), IJC (-6,9%), FCN (-6,9%)... Thị trường kết phiên ở mức thấp nhất. Cụ thể, VN-Index giảm 43,18 điểm (-2,89%) xuống 1.452,84 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là tiêu cực với 446 mã giảm (125 mã giảm sàn), 18 mã tham chiếu, chỉ có 49 mã tăng (3 mã tăng trần).

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Đã khá lâu rồi, chính xác là từ phiên 20/8/2021 (-3,3%), VN-Index mới lại giảm mạnh (-2,89%). Điều này có thể do tâm lý nhà đầu tư đang có sự tiêu cực nhất định trước những diễn biến cũng như thông tin trên thị trường. Bên cạnh đó, tâm lý nghỉ Tết sớm đang dần xuất hiện cũng khiến cho lực cầu trở nên hạn chế hơn trước. Sau phiên giảm hôm nay thì VN-Index đã đánh mất vùng hỗ trợ trong khoảng 1.480-1.495 điểm (MA20-50) khiến cho xu hướng tăng của thị trường bị ảnh hưởng tương đối nghiêm trọng. Trước mắt, VN-Index đang có 2 ngưỡng hỗ trợ tâm lý tiếp theo lần lượt là 1.450 điểm và 1.400 điểm và vùng giá tạo bởi hai ngưỡng trên được kỳ vọng sẽ hỗ trợ thị trường trong phiên tiếp theo. Lần gần đây nhất vào phiên 6/12/2021, VN-Index đã hồi phục sau khi chạm hỗ trợ tâm lý 1.400 điểm trong phiên. Nhà đầu tư đã tham gia bắt đáy trong phiên 12/1 có thể tiếp tục nắm giữ và canh những nhịp giảm điểm về vùng hỗ trợ 1.400-1.450 điểm trong phiên tiếp theo để giải ngân thêm.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

17/1/2022

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index tăng điểm trong phiên giao dịch sáng, với mức cao nhất trong phiên tại 1.503,86 điểm. Nhưng áp lực bán gia tăng từ cuối phiên sáng trở đi khiến chỉ số điều chỉnh xuống sắc đỏ và đà giảm mạnh dần về cuối phiên khiến chỉ số kết phiên ở mức thấp nhất. Kết phiên, VN-Index giảm 43,18 điểm (-2,89%) xuống 1.452,84 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VHM giảm 3.100 đồng, GVR giảm 2.450 đồng, VPB giảm 1.800 đồng. Ở chiều ngược lại, VCB tăng 2.800 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index cũng tăng điểm trong phiên giao dịch sáng, với mức cao nhất trong phiên tại 475,93 điểm. Nhưng từ cuối phiên sáng trở đi, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số điều chỉnh xuống sắc đỏ và đà giảm mạnh dần sau đó khiến chỉ số kết phiên ở mức thấp nhất. Kết phiên, HNX-Index giảm 21,52 điểm (-4,61%) xuống 445,34 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: THD giảm 20.600 đồng, SHS giảm 4.700 đồng, CEO giảm 7.100 đồng. Ở chiều ngược lại, NVB tăng 2.300 đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 201,16 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 4 triệu đơn vị. STB là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 59 tỷ đồng tương ứng với 1,7 triệu cổ phiếu, tiếp theo là VNM với 50,7 tỷ đồng tương ứng với 605 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VND là mã bị bán ròng nhiều nhất với 62,6 tỷ đồng tương ứng với 919,9 nghìn cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 41,53 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 536 nghìn cổ phiếu. SHS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 20,9 tỷ đồng tương ứng với 473 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là NTP với 20,7 tỷ đồng tương ứng với 320 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, PVI là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 6,9 tỷ đồng tương ứng với 148 nghìn cổ phiếu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index giảm điểm mạnh trong phiên đầu tuần (-2,9%) với thanh khoản khớp lệnh gia tăng so với phiên cuối tuần trước nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy áp lực bán ra đã gia tăng trong phiên hôm nay nhưng vẫn chưa thực sự mạnh. Thị trường giảm điểm một phần do cầu hiện tại yếu.

Góc nhìn kỹ thuật là lý thuyết sóng Elliot áp dụng trên biểu đồ tuần thì có thể thấy là VN-Index đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên điều chỉnh mạnh hôm nay (-2,9%) thì chỉ số VN-Index đánh mất vùng hỗ trợ quan trọng trong khoảng 1.480-1.495 điểm (MA20-50) và điều này khiến cho xu hướng tăng của thị trường bị suy yếu đi đáng kể. Trước mắt thì VN-Index đang kết phiên khá gần ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.450 điểm và ngưỡng này khả năng sẽ bị thử thách trong phiên tới.

Trong kịch bản tiêu cực, nếu ngưỡng 1.450 điểm không đủ sức để hỗ trợ thị trường thì có khả năng VN-Index sẽ cần điều chỉnh về quanh ngưỡng hỗ trợ tâm lý mạnh hơn 1.400 điểm để tìm kiếm lực cầu bắt đáy.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 18/1, chỉ số VN-Index có thể sẽ test vùng hỗ trợ trong khoảng 1.400-1.450 điểm trước khi hồi phục trở lại.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

GDP Việt Nam được dự báo tăng trưởng 6,5-7% năm nay

Nếu Việt Nam thực hiện tốt chương trình phòng, chống dịch Covid-19 cũng như chương trình phục hồi và phát triển kinh tế, GDP được dự báo tăng trưởng 6,5-7%. Ở kịch bản thấp hơn, GDP được dự báo tăng trưởng 5-5,5%. Lạm phát được dự báo tăng 3,5-3,8% năm nay.



TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước tăng

Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 61 - 61,6 triệu đồng/lượng, tăng 50.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và không đổi ở chiều bán ra so với sáng nay.

Tỷ giá trung tâm tăng 3 đồng

Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 17/1 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.085 VND/USD, tăng 3 đồng so với cuối tuần qua.

TIN QUỐC TẾ

Giá vàng thế giới tăng

Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 5,85 USD/ounce tương ứng với 0,32% lên 1.822,45 USD/ounce.

Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm

Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,081 điểm tương ứng 0,09% xuống 95,082 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,1429 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3674 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 114,43 JPY.

Giá dầu thế giới giảm

Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 0,05 USD/thùng tương ứng với 0,06% xuống 83,25 USD/thùng.

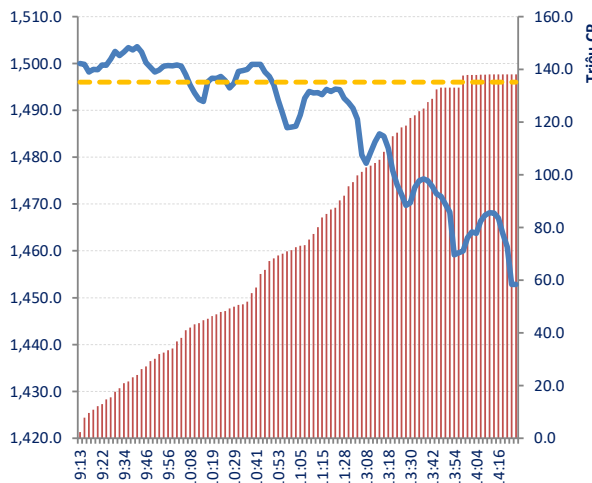
Chứng khoán Mỹ tăng giảm trái chiều

Kết thúc phiên giao dịch ngày 14/1, Dow Jones giảm 201,81 điểm tương đương 0,56% xuống 35.911,81 điểm. Nasdaq tăng 86,94 điểm tương đương 0,59% lên 14.893,75 điểm. Nasdaq Composite tăng 3,82 điểm tương đương 0,08% lên 4.662,85 điểm.

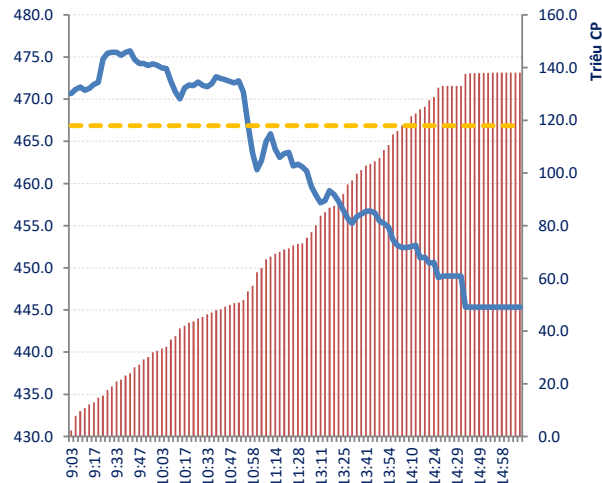


THÔNG KÊ GIAO DỊCH

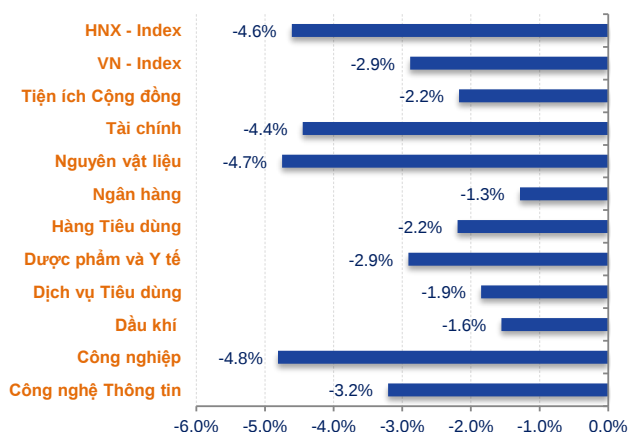
KLGD và VN-Index trong phiên



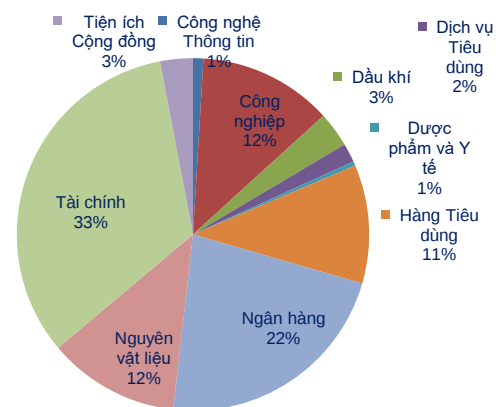
KLGD và HNX-Index trong phiên



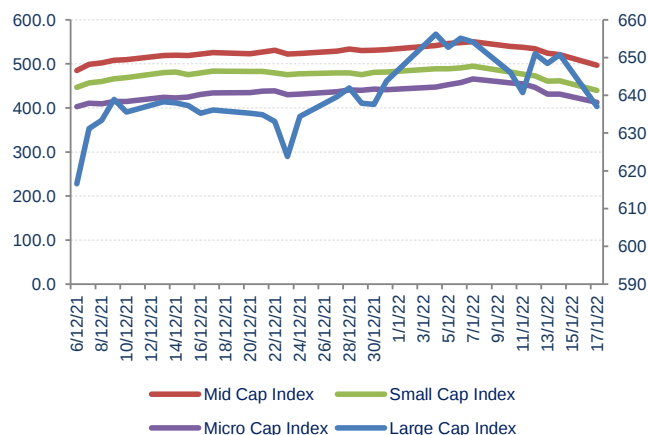
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



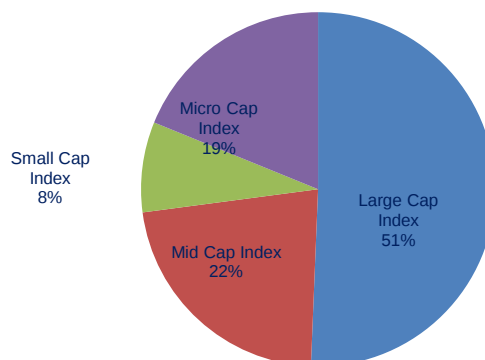
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
 Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	STB	1,717,200	POW	1,635,500
2	DXG	1,301,100	VND	919,900
3	CTG	1,105,100	LCG	740,900
4	BID	1,067,100	GEX	682,800
5	VRE	920,000	BCG	597,000

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVI	148,400	SHS	472,730
2	MBG	81,500	NTP	320,100
3	OCH	81,400	APS	75,300
4	BVS	55,500	KVC	67,000
5	IVS	37,000	LHC	43,100

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
STB	35.00	32.60	↓ -6.86%	44,840,800
HAG	14.95	15.65	↑ 4.68%	44,239,900
HNG	10.70	10.15	↓ -5.14%	39,538,000
SSI	48.70	45.30	↓ -6.98%	32,346,300
POW	17.70	16.50	↓ -6.78%	31,333,400

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ART	11.20	10.10	↓ -9.82%	20,194,605
SHS	47.50	42.80	↓ -9.89%	15,131,822
PVS	27.90	28.00	↑ 0.36%	10,838,299
CEO	71.10	64.00	↓ -9.99%	7,706,641
IDC	70.80	65.00	↓ -8.19%	4,107,875

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
FDC	15.80	16.90	1.10	↑ 6.96%
KHG	18.80	20.10	1.30	↑ 6.91%
UDC	12.75	13.60	0.85	↑ 6.67%
BTT	45.00	48.00	3.00	↑ 6.67%
BBC	63.70	67.50	3.80	↑ 5.97%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
BXH	15.00	16.50	1.50	↑ 10.00%
LBE	25.20	27.70	2.50	↑ 9.92%
TJC	14.20	15.60	1.40	↑ 9.86%
ECI	35.50	39.00	3.50	↑ 9.86%
KST	35.60	39.10	3.50	↑ 9.83%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

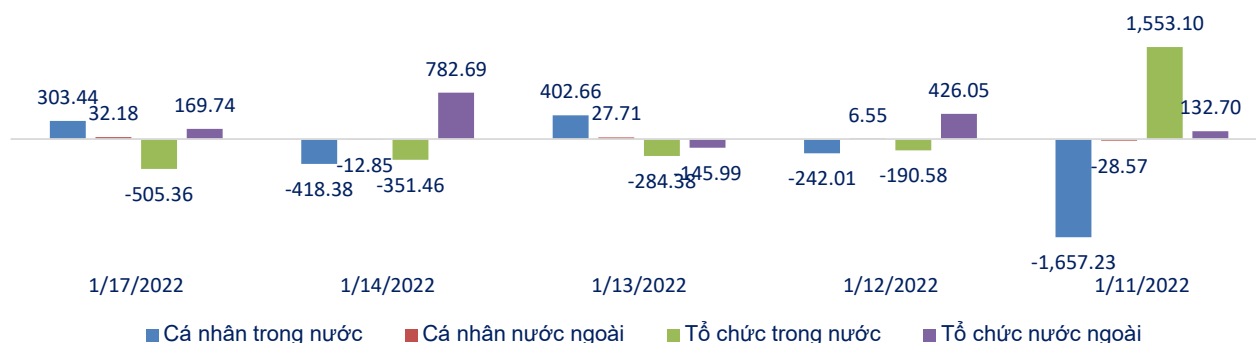
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VIX	30.75	28.60	-2.15	↓ -6.99%
TVB	23.60	21.95	-1.65	↓ -6.99%
SZC	70.00	65.10	-4.90	↓ -7.00%
PAN	33.60	31.25	-2.35	↓ -6.99%
HAI	7.43	6.91	-0.52	↓ -7.00%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
C92	10.00	9.00	-1.00	↓ -10.00%
SCI	34.00	30.60	-3.40	↓ -10.00%
SD6	9.00	8.10	-0.90	↓ -10.00%
PVL	14.00	12.60	-1.40	↓ -10.00%
BCC	22.00	19.80	-2.20	↓ -10.00%

(*) Giá điều chỉnh



■ Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



■ Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HNG	188.46	0.7%	51	209.9	1.5
MSN	188.26	8.4%	2,032	71.2	5.3
DIG	131.91	13.1%	1,489	64.9	7.3
NBB	72.24	28.3%	6,130	7.9	2.5
VND	71.14	19.6%	2,115	34.0	3.7

■ Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	-75.24	37.3%	3,849	8.0	1.7
STB	-63.12	11.1%	1,864	18.8	2.0
BID	-61.70	12.0%	1,975	22.4	2.6
CTG	-52.19	18.1%	3,439	10.3	1.8
VNM	-40.25	31.0%	5,037	16.8	5.2

■ Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	11.84	44.7%	7,085	6.5	2.5
SHB	6.90	17.8%	2,102	10.7	1.7
SSI	5.12	16.5%	2,021	24.1	3.5
VHM	3.44	38.3%	8,968	9.2	3.0
MSN	2.92	8.4%	2,032	71.2	5.3

■ Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PVD	-10.23	0.2%	69	458.2	1.0
DGW	-5.91	31.6%	4,739	26.0	7.5
TDM	-3.85	14.0%	2,463	13.7	1.8
GAS	-1.37	16.9%	4,384	24.1	4.0
FCN	-1.32	4.6%	899	36.3	1.7

■ Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	82.33	37.3%	3,849	8.0	1.7
DBC	34.47	21.6%	8,515	8.4	1.7
VPB	25.85	21.2%	2,772	12.6	2.5
ITA	22.57	1.5%	174	89.9	1.3
VHC	22.09	14.7%	4,396	14.3	2.0

■ Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSN	-206.83	8.4%	2,032	71.2	5.3
HNG	-190.76	0.7%	51	209.9	1.5
DIG	-119.22	13.1%	1,489	64.9	7.3
NBB	-73.55	28.3%	6,130	7.9	2.5
KBC	-52.30	6.0%	1,503	38.4	2.2

■ Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	57.24	11.1%	1,864	18.8	2.0
VNM	51.33	31.0%	5,037	16.8	5.2
BID	49.23	12.0%	1,975	22.4	2.6
DXG	44.54	7.5%	1,406	24.6	1.6
CTG	39.96	18.1%	3,439	10.3	1.8

■ Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	-62.30	19.6%	2,115	34.0	3.7
PDR	-33.46	24.0%	3,307	27.8	5.8
GEX	-29.67	8.6%	1,754	25.1	1.9
POW	-27.50	8.6%	1,167	15.2	1.3
KDH	-24.45	13.4%	1,884	28.4	3.5



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	44,840,800	11.1%	1,864	18.8	2.0
HAG	44,239,900	3250.0%	(1,220)	-	2.8
HNG	39,538,000	0.7%	51	209.9	1.5
SSI	32,346,300	16.5%	2,021	24.1	3.5
POW	31,333,400	8.6%	1,167	15.2	1.3

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ART	20,194,605	0.3%	32	354.3	1.0
SHS	15,131,822	25.5%	3,031	15.7	2.4
PVS	10,838,299	4.6%	1,238	22.5	1.0
CEO	7,706,641	-4.7%	(606)	-	5.7
IDC	4,107,875	11.8%	1,805	39.2	4.5

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
FDC	↑ 7.0%	2.6%	403	39.2	1.0
KHG	↑ 6.9%	6.4%	595	31.6	1.4
UDC	↑ 6.7%	-2.1%	(233)	-	1.2
BTT	↑ 6.7%	1.6%	427	105.3	1.6
BBC	↑ 6.0%	3.5%	2,359	27.0	0.9

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
BXH	↑ 10.0%	3.0%	565	26.6	0.8
LBE	↑ 9.9%	6.5%	1,177	21.4	1.4
TJC	↑ 9.9%	15.1%	1,764	8.0	1.2
ECI	↑ 9.9%	12.7%	2,516	14.1	1.9
KST	↑ 9.8%	6.5%	1,446	24.6	1.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	1,717,200	11.1%	1,864	18.8	2.0
DXG	1,301,100	7.5%	1,406	24.6	1.6
CTG	1,105,100	18.1%	3,439	10.3	1.8
BID	1,067,100	12.0%	1,975	22.4	2.6
VRE	920,000	7.2%	954	36.1	2.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVI	148,400	13.2%	4,293	11.0	1.5
MBG	81,500	4.0%	422	34.4	1.4
OCH	81,400	-0.9%	(77)	-	1.3
BVS	55,500	7.7%	1,877	20.2	1.3
IVS	37,000	4.1%	412	36.9	1.5

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	394,692	20.4%	4,464	18.7	3.6
VIC	376,336	2.9%	1,111	89.1	2.3
VHM	357,929	38.3%	8,968	9.2	3.0
BID	223,840	12.0%	1,975	22.4	2.6
HPG	206,873	44.7%	7,085	6.5	2.5

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	88,375	25.2%	4,694	53.8	15.3
KSF	27,900	8.8%	748	124.4	4.7
IDC	21,240	11.8%	1,805	39.2	4.5
CEO	18,297	-4.7%	(606)	-	5.7
VCS	17,600	41.5%	11,163	9.9	3.7

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
SJF	3.83	0.5%	51	239.6	1.2
IDI	3.79	2.7%	363	37.2	1.0
DIG	3.38	13.1%	1,489	64.9	7.3
DXV	3.37	-3.1%	(336)	-	0.7
VOS	3.34	54.5%	2,573	6.2	2.5

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVL	3.08	9.9%	475	29.5	2.7
ART	2.97	0.3%	32	354.3	1.0
APS	2.73	22.8%	1,581	20.4	2.7
CEO	2.71	-4.7%	(606)	-	5.7
VIE	2.46	1.1%	72	176.7	2.0



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn